

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HS-PT

Ngày: 22/9/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2021/TLPT-HS ngày 11/5/2021 đối với các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Trương Minh T, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tiếp thị; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Kim Ch; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2/ Phạm Phan Khôi Ng (B), sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Huỳnh D và bà Phan Thị Kh; vợ: Lê Thị Thúy M; con: có 01 người con sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/5/2020; Trương Minh T, Phạm Phan Khôi Ng đến nhà của bà Lê Thị Thùy Tr, ngụ ấp Quới Lợi, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để gặp chị Lê Thị Thuỳ Nh (con bà Tr) để nói chuyện công

việc. Khoảng 30 phút sau, T và Ng thấy chị Trần Thị Ngọc Đi, ngụ ấp Q, xã A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đến. Do còn thiếu Tiền số tiền 12.000.000 đồng chưa trả nên chị Đi đậu chiếc xe mô tô biển số 63B9 - 640.23 ở trước nhà bà Tr rồi bỏ đi xuống nhà sau lên võng ngồi. Sau khi nói chuyện với chị Nh xong, T và Ng đi xuống chỗ chị Đ ngồi, T hỏi chị Đ “tiền chị mượn em giờ tính sao”, chị Đ trả lời “để chị trả từ từ cho em”, Ng hỏi “trả bao nhiêu” thì chị Đ trả lời “trả năm trăm”, Ng nói “ĐM trả năm trăm hai năm mới hết”, Ng vừa nói xong thì dùng tay tát vào mặt và vai của chị Đ. Hai bên tiếp tục đôi co thêm một lúc thì chị Đ bỏ lên bộ ghế ở nhà trên của bà Tr ngồi, T đi lên trước cửa nhà bà Tr đứng, Ng đi theo tiếp tục hỏi chị Đ “giờ sao”, chị Đ trả lời “mỗi tháng trả năm trăm”, Ng tiếp tục dùng tay tát hai cái vào vai của chị Đ. Lúc này, ông Lê Văn H (chồng bà Tr) đi uống trà về, thấy Ng đánh chị Đ nên hỏi “Làm gì đánh người ta, không có đánh người ta nữa” thì Ng quay sang xin lỗi ông H, ông H bỏ đi xuống nhà sau. Lúc này Ng nhìn ra trước sân thì thấy xe mô tô biển số 63B9 - 640.23 của chị Đ đang dựng trước nhà nên Ng nói “giờ lấy xe bỏ đi về khi nào có tiền trả xe”. Chị Đ nghe Ng nói vậy liền chạy ra xe mô tô biển số 63B9 - 640.23 rút chìa khóa xe bỏ vào túi quần, Ng đi lại tháo rổ đựng trái cây trên xe chị Đ bỏ xuống, T đi lại dùng tay phải lấy chìa khóa xe và số tiền 390.000 đồng trong túi quần của chị Đ ra, T đưa số tiền lấy được cho bà Tr rồi tra chìa khóa vào xe mô tô biển số 63B9 - 640.23 rồi bỏ đi ra đường, Ng khởi động xe chạy thì bị chị Đ đứng trước chặn đầu xe dùng hai tay cản lại, Ng dùng tay gạt đẩy hai tay của chị Đ ra. Lúc này, bà Tr đi ra tiếp tục năn nỉ nên T đi trở vào nói với bà Tr “cô đừng lãnh, bà này gian xảo lắm, bà hứa nhiều lần, nhiều người rồi nhưng không trả” rồi T lên xe mô tô biển số 63B9 - 640.23 khởi động chạy đi, chị Đ vừa năn nỉ vừa dùng hai tay kéo đuôi xe giữ lại thì bị Ng dùng tay gạt đẩy tay của chị Đ ra để cho T chạy xe đi. Sau khi T và Ng lấy xe của chị Đ đi thì bà Tr trả lại số tiền cho chị Đ và sau đó chị Đ đến cơ quan Công an trình báo.

Tại Bản kết luận định giá số 1268/KL - HĐĐG ngày 26/08/2020 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre kết luận: Xe mô tô biển số 63B9 - 640.23, nhãn hiệu Yamaha Mio, màu trắng nâu có giá trị là: 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tra lại chiếc xe mô tô biển số 63B9 - 640.23 cho chị Đ. Hiện chị Đ đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Minh T 09 (chín) tháng tù;

Xử phạt bị cáo Phạm Phan Khôi Ng 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 05/4/2021, các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trương Minh T 09 tháng tù và bị cáo Phạm Phan Khôi Ng 09 tháng tù là tương xứng. Tuy nhiên; do các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị hại cũng có một phần lỗi do hứa hẹn trả tiền cho các bị cáo nhưng không trả đúng hẹn, nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe các bị cáo, vì vậy kháng cáo của các bị cáo có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trương Minh T 09 tháng tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng; xử phạt bị cáo Phạm Phan Khôi Ng 09 tháng tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo không tranh luận.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: xuất phát từ việc chị Trần Thị Ngọc Đ còn thiếu nợ tiền của các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng chưa trả. Nên vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/5/2020, tại ấp L, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; bị cáo Phạm Phan Khôi Ng đã có hành vi dùng tay đánh chị Đ; bị cáo Trương Minh đã có hành vi lấy chìa khóa xe của chị Đ; bị cáo Phạm Phan Khôi Ng và bị cáo Trương Minh T còn có hành vi khác để uy hiếp tinh thần của chị Đ nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 63B9 - 640.23, nhãn hiệu Yamaha Mio, màu trắng nâu của chị Đ có giá trị là 7.000.000 đồng. Ngoài ra; bị cáo Trương Minh T còn có hành vi chiếm đoạt của chị Trần Thị Ngọc Điệp số tiền 390.000 đồng.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi dùng vũ lực và hành vi khác để uy hiếp tinh thần của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại là số tiền 390.000 đồng và chiếc xe mô tô biển số 63B9 - 640.23 trị giá 7.000.000 đồng; các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Phạm Phan Khôi Ng có bà nội là Huỳnh Thị B là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có ông nội là Phạm Văn Th được Nhà nước phong tặng Huy chương quyết thắng hạng nhất, có 01 con còn nhỏ

sinh năm 2020; bị cáo Trương Minh T là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có cha bị bệnh tâm thần phân liệt, mẹ phải ở nhà chăm sóc cho cha không thể tạo ra thu nhập, bị cáo Tâm có tham gia lực lượng dân quân tự vệ ở địa phương, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo; xử phạt bị cáo T 09 tháng tù và bị cáo Ng 09 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: các bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản trái ý muốn của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại. Tuy nhiên thấy rằng; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do bị hại còn thiếu tiền của các bị cáo nhưng chưa trả, từ đó các bị cáo mới thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nhằm mục đích để bị hại trả nợ; các bị cáo không có ý định trước về việc chiếm đoạt tài sản của bị hại, chỉ khi tình cờ gặp nhau các bị cáo đòi nợ thì bị hại hứa trả nợ dần, do bị hại hứa trả nợ dần với số tiền ít đã làm các bị cáo tức giận nên bị cáo Nguyễn có hành vi dùng tay đánh để uy hiếp tinh thần của bị hại, khi nhìn thấy xe mô tô của bị hại thì bị cáo Nguyễn nói: giờ lấy xe của bị hại đi về, khi nào có tiền trả xe; mặc dù không có sự bàn bạc trước là sẽ lấy xe mô tô của bị hại, nhưng khi nghe bị cáo Nguyễn nói lấy xe của bị hại để bị hại trả nợ thì bị cáo T đồng ý, bị cáo Tâm đã lấy chìa khóa xe mô tô của bị hại và cùng với bị cáo Ng chiếm đoạt xe mô tô của bị hại nhằm mục đích để bị hại trả tiền cho các bị cáo, vì vậy các bị cáo đã đồng phạm với nhau về hành vi chiếm đoạt xe mô tô của bị hại; khi chiếm đoạt được xe mô tô của bị hại, các bị cáo không sử dụng xe mô tô này vào mục đích khác mà vẫn cất giữ xe đợi khi bị hại trả tiền nợ thì trả xe; đối với bị cáo T có hành vi chiếm đoạt số tiền 390.000 đồng của bị hại, bị cáo Ng không biết và không tham gia nên không đồng phạm đối với hành vi này. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, chỉ nhất thời phạm tội, nguyên nhân phạm tội do bị hại thiếu nợ tiền của các bị cáo nhưng chưa trả và đến nay vẫn chưa trả tiền, các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ở cấp sơ thẩm bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị hại tiếp tục có đơn yêu cầu cho các bị cáo được hưởng án treo vì bị hại cho rằng hành vi và nhận thức của các bị cáo là thành khẩn, không nhất thiết phải trừng trị trước pháp luật, hơn nữa việc gây nguy hại cho bị hại cũng không quá lớn, do đó yêu cầu cho bị cáo T được hưởng án treo để nuôi cha bệnh tâm thần và cho bị cáo Ng được hưởng án treo để nuôi con nhỏ; đối với bị cáo T còn được Ủy

ban nhân dân xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xác nhận hiện là lực lượng tình nguyện tham gia tuyến đầu chống dịch Covid-19 của xã; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng; sửa Bản án sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Minh T 09 (chín) tháng tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 22/9/2021;

Giao bị cáo Trương Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cùng gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Xử phạt bị cáo Phạm Phan Khôi Ng 09 (chín) tháng tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 22/9/2021;

Giao bị cáo Phạm Phan Khôi Ng cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu

Thành, tỉnh Bến Tre cùng gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Trương Minh T và Phạm Phan Khôi Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (6b);
- Công an và VKSND huyện Châu Thành (2b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (2b);
- UBND xã Đ (1b);
- UBND xã T (1b);
- Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông